TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 884/2022/HC-PT Ngày 10 - 11 - 2022 V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Ông Lê Văn An.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 250/2022/TLPT-HC ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2046/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Ông Hồ Doãn C, sinh năm 1955. (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

- Luật sư Nguyễn Phước L – Công ty Luật TNHH MTV Ch thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương. (có mặt)

Địa chỉ: đường Ng, khu phố 3, phường P, thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

- Trợ giúp viên pháp lý Đỗ Thanh V, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương. (có mặt)

- ***Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

(có văn bản xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương;

2/. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1957. (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

3/. Bà Hồ Thị Lan Ph, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B1, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

4/. Bà Hồ Thị Bích H, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

5/. Ông Hồ Doãn V, sinh năm 1987. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

6/. Bà Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố P1, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện là ông Hồ Doãn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện ông Hồ Doãn C) trình bày:

Ngày 23/3/1990, ông C nhận chuyển nhượng của ông Lê Thanh V1 khu đất có diện tích đất 4.125m^2 (trong đó có một phần hầm sỏi) tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, việc chuyển nhượng có làm giấy tay và có xác nhận của Trưởng ấp B2 và xác nhận của công an xã A và sử dụng cho đến nay. Sau khi mua, ông C rào dây kẽm gai, quản lý, sử dụng đến năm 2003 được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 265272, số vào sổ 00930 QSDĐ. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi: Thửa 146 có 3.178m^2 diện tích đất được quyền sử dụng và 1.029m^2 đất hành lang bảo vệ đường bộ (trong 3.178m^2 có 400m^2 đất thổ cư và 2.778m^2 đất vườn, không có 1.029m^2 đất hành lang). Năm 2010, ông C và vợ là bà Nguyễn Thị Q xây dựng căn nhà cấp 3, xây hàng rào kiên cố bằng xi măng, cốt sắt. Suốt quá trình từ khi mua cho đến nay, vợ chồng ông C quản lý sử dụng không tranh chấp, Ủy ban xã A, các cơ quan có thẩm quyền không có ai có ý kiến gì.

Ngày 12/5/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Hồ Doãn C và bà Nguyễn Thị Q, với lý do thửa đất ông C mua diện tích chỉ có 3.178m^2, trong 3.178m^2 đó đã bao gồm cả 1.029m^2 đất hành lang bảo vệ đường bộ, cho rằng ông C lấn chiếm diện tích 520,1m^2 đất thuộc thửa 160 là đất công do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã A quản lý.

Ngày 31/12/2020, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 345/QĐ-KPHQ, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Hồ Doãn C và bà Nguyễn Thị Q là không phù hợp, vì lý do sau đây:

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Doãn C là ngày 16/6/2003, thời điểm này áp dụng Luật Đất đai năm 1993 và sửa đổi năm 2001 nên phần đất hành lang bảo vệ đường bộ không được kê khai và không được cấp vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ được cập nhật bên phần ghi thêm.

Ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 3.178m^2, trong đó có 400m^2 đất ở, 2.778m^2 đất vườn, ở phần ghi thêm là 1.029m^2 hành lang bảo vệ đường bộ (như vậy tổng diện tích là 4.207m^2). Phần diện tích 1.029m^2 thuộc hành lang bảo vệ đường bộ chưa được cấp vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C.

Như vậy, Công văn 1937/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 20/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P về việc phúc đáp nội dung Công văn số 1035/CV-TNMT ngày 08/8/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, xác định diện tích ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 00930 QSDĐ/PG đã bao gồm diện tích hành lang bảo vệ đường bộ 1.029m^2 là không có cơ sở pháp lý.

Việc xác định ông C có lấn chiếm đất công hay không. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C không có đo đạc thực tế nên không xác định được ranh đất. UBND xã A không có hồ sơ đối với thửa đất số 160 và cũng không có bản đồ địa chính khu đất nên không xác định được ranh đất và càng không xác định được hình thể thửa đất 160 như thế nào. Vì vậy, không có cơ sở cho rằng ông C lấn chiếm đất công là thửa đất 160, tờ bản đồ 18 của UBND xã A.

Từ những cơ sở trên, ông Hồ Doãn C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết: Hủy Quyết định số 345/QĐ-KPHQ ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện P.

Tại Công văn số 353/UBND-TNMT ngày 15/4/2012 của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện P trình bày:

Về nguồn gốc khu đất: Gia đình ông Hồ Doãn C nhận chuyển nhượng năm 1990 (chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), do hai bên tự xác định diện tích với nhau, đây chỉ làm căn cứ xác định nguồn gốc sử dụng để xem xét công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứ không có giá trị công nhận diện tích sử dụng đất.

Về diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Hồ Doãn C thửa đất số 146, tờ bản đồ số 18, diện tích là 3.178m^2, do UBND huyện P công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00930.QSDĐ/PG ngày 16/6/2003, được xác định tại Công văn phúc đáp số 1973/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 20/8/2018, của Chi nhánh

Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P, trong đó có nội dung: Diện tích ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hồ Doãn C năm 2003, có diện tích 3.178m^2 là bao gồm cả diện tích hành lang lộ giới (không như cách hiểu của ông Hồ Doãn C là diện tích hành lang không thuộc diện tích của thửa đất số 146).

Quá trình giải quyết vụ việc; Căn cứ biên bản ngày 05/12/2014 làm việc với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, có kết quả: Phần đất công ông C quản lý sử dụng khoảng năm 2003, khoảng tháng 6 năm 2014 ông rào lại để bảo vệ tài sản, trên phần đất công này có một số cây tràm...vv, đồng thời trong buổi làm việc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P thông báo kết quả đo đạc cho ông C như sau: Qua bản trích đo ngày 03/12/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P cho thấy:

+ Diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 3.178m^2. Trong đó:

* Diện tích giải tỏa ĐT-741: 483m^2.

* Diện tích còn lại: 2.695m^2.

+ Diện tích đo đạc thực tế: 3.526,3m^2.

+ Diện tích chênh lệch sử dụng lớn hơn diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 831,3m^2. Trong đó gia đình ông sử dụng sang phần đất thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 18 là 520m^2 (tức khu đất công).

Ông C đã trình bày: Ông thống nhất với số liệu công bố của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P. Do bản vẽ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông cơ quan Nhà nước vẽ không rõ ràng nên ông hiểu lầm diện tích hành lang không nằm trong diện tích thửa 146, do ông hiểu thửa đất được cấp là 4.207m^2 được vẽ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì vậy ông rào đất dôi ra so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, tại biên bản làm việc ngày 02/11/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường với bà Đặng Thị L là người chuyển nhượng đất cho ông C năm 1990 trình bày: Gia đình bà chỉ chuyển nhượng phần đất trồng điều, không chuyển nhượng phần đất hầm sỏi đá phía sau khu đất (có biên bản kèm theo).

Ngày 05/7/2018 Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 95/QĐ-KPHQ, về việc buộc ông Hồ Doãn C khắc phục hậu quả trả lại 520,1m^2 cho UBND xã A. Sau khi nhận Quyết định, không đồng ý với Quyết định nêu trên, ông Hồ Doãn C làm đơn khiếu nại. Ngày 29/8/2018, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 111/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của ông Hồ Doãn C là đúng theo quy định của pháp luật, đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục.

Ngày 08/11/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Bản án sơ thẩm số 33/2019/HC-ST, trong đó có nội dung: Hủy Quyết định số 95/QĐ-KPHQ, ngày 05/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, về việc buộc ông Hồ Doãn C khắc phục hậu quả trả lại 520m^2 cho UBND xã A, và Quyết

định số 111/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện P, về việc giải quyết đơn của ông Hồ Doãn C, Khiếu nại Quyết định số 95/QĐ-KPHQ, ngày 05/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

Quá trình giải quyết sau khi có bản án hành chính sơ thẩm:

Ngày 31/3/2020 UBND huyện P ban hành công văn số 323/UBND-TNMT, về việc giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P tiếp tục giải quyết vụ việc.

Ngày 12/5/2020 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P lập biên bản vi phạm hành chính số 33/BB-VPHC đối với ông Hồ Doãn C và bà Nguyễn Thị Q.

Ngày 29/5/2020 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P phối hợp với các ban ngành có liên quan đối thoại với ông Hồ Doãn C và bà Nguyễn Thị Q.

Ngày 31/12/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 345/QĐ-KHQ, về việc ông Hồ Doãn C và bà Nguyễn Thị Q khắc phục hậu quả trả lại 520,1m^2 cho UBND xã A, và nộp lại số hoa lợi bấp hợp pháp.

Ngày 08/01/2021 Phòng TN&MT huyện P công bố và bàn giao Quyết định cho ông Hồ Doãn C và bà Nguyễn Thị Q.

Từ những căn cứ nêu trên, việc UBND huyện P ban hành Quyết định số 345/QĐ-KPHQ ngày 31/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc buộc ông Hồ Doãn C khắc phục hậu quả trả lại 520,1m^2 cho UBND xã A và nộp lại số hoa lợi bấp hợp pháp là đúng theo quy định của pháp luật, đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục.

Về thẩm quyền ban hành: Căn cứ khoản 2 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, khoản 2 Điều 38 của Nghị định số: 91/2014/NĐ-CP, ngày 19 tháng 11 năm 2019, của Chính phủ về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai, ngày 31/12/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 345/QĐ-KPHQ, về việc ông Hồ Doãn C và bà Nguyễn Thị Q khắc phục hậu quả trả lại 520,1m^2 cho UBND xã A, và nộp lại số hoa lợi bấp hợp pháp là đúng thẩm quyền, đúng bản chất của vụ việc.

Theo hồ sơ, tài liệu về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Hồ Doãn C cũng như bản vẽ đo đạc xác minh thực tế phần đất của gia đình Hồ Doãn C đang trực tiếp quản lý và sử dụng thì diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có 3.178m^2. Việc ông C cho rằng diện tích cấp 4.201m^2 là không đúng, trong các buổi làm việc đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường giải thích và ông C đã thừa nhận có sử dụng sang phần đất công.

Diện tích sử dụng lớn hơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 831,3m^2 nhưng chỉ có lấn sang thửa đất số 160 (do UBND xã A quản lý), tờ bản đồ số 18 là 520,1m^2, phần diện tích còn lại do bản đồ có sự sai lệch.

Như vậy diện tích thực tế sử dụng lớn hơn diện tích GCN-QSDĐ là

520,1m^2 phần diện tích này thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 18 là 520,1m^2 (tức khu đất công) là trái với quy định về nghĩa vụ chung của người sử dụng đất theo khoản 1 Điều 170 của Luật Đất đai năm 2013, tuy nhiên qua làm việc ông Hồ Doãn C đã thừa nhận gia đình ông có sử dụng sang thửa đất số 160, tờ bản đồ số 18 với lý do đất bỏ hoang nên gia đình ông mới rào lại để sử dụng.

Từ những căn cứ trên, căn cứ Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Đất đai năm 2013, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bác đơn khởi kiện của ông Hồ Doãn C và bà Nguyễn Thị Q, lý do:

+ Diện tích 520m^2 không nằm trong diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hồ Doãn C số 00930.QSDĐ/PG do UBND huyện P cấp ngày 16/6/2003, và trong các buổi làm việc với UBND xã A, Phòng Tài nguyên và Môi trường ông C đều thừa nhận khu đất trên là đất công do bỏ hoang nên đã rào sử dụng.

+ Quyết định số 345/QĐ-KPHQ, ngày 31/12/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, về việc buộc ông Hồ Doãn C và bà Nguyễn Thị Q khắc phục hậu quả trả lại 520,1m^2 cho UBND xã A và nộp lại số hoa lợi bấp hợp pháp là đúng bản chất của vụ việc, đúng pháp luật.

Tại Bản giải trình ngày 02/8/2019 và quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của UBND xã A, huyện P (ông Lê Minh Chi) trình bày:

Sau khi nhận được phản ánh của ban lãnh đạo ấp và người dân, ngày 14/7/2014, UBND xã A xuống xác minh hiện trường và phát hiện phản ánh người dân và ban ấp là có cơ sở. Ông Hồ Doãn C đã chôn trụ hàng rào hết phần đất của UBND xã A. Trong quá trình làm việc ông cho rằng đây là đất bỏ hoang, vô chủ nên ông làm (có biên bản kèm theo).

Ngày 25/7/2014, UBND xã A mời đại diện Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã A, cán bộ Tư pháp xã A, ban ấp B và ông Đặng Văn T chủ sử dụng đất liền kề làm việc với ông Hồ Doãn C. Tại buổi làm việc, ông C cho rằng đây là đất bỏ hoang, không có chủ, không ai sử dụng. UBND xã A yêu cầu ông C đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông C nói giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị trộm cắp cách đây khoảng 02 năm chỉ còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản photo công chứng ngày 26/8/2010 với diện tích là 3.478m^2 (có biên bản kèm theo).

Ngày 21/8/2014, UBND xã A mời đại diện Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên và ban ấp B cùng ông Đặng Văn T chủ sử dụng đất liền kề làm việc với ông Hồ Doãn C. Tại buổi làm việc, ông C thống nhất cắm mốc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND huyện P cấp cho ông và đồng ý tháo dỡ trụ bê tông và hàng rào đã xây dựng qua đất công UBND xã. Đề nghị Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện P đo đạc cắm mốc cho ông C và ông C sẽ tự tháo dỡ phần vi phạm (có biên bản kèm theo).

Ngày 06/9/2014, UBND xã A phối hợp với Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện P đo đạc cắm mốc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 146, tờ bản đồ 18, diện tích 3.178m^2 do UBND huyện P cấp ngày 16/6/2003 cho gia đình ông C, ông C công nhận là đúng. Qua đo đạc cắm mốc thì gia đình ông C lấn sang phần đất công (có sơ đồ biên bản kèm theo). UBND xã A đã chỉ rõ phần ranh giới thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với đất công của UBND xã. Ông C cam kết sẽ tự tháo dỡ hàng rào vi phạm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 06/9/2014.

Ngày 21/10/2014, ông C xuống UBND xã cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất photo với diện tích 3.178m^2, ông C cho biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đang thế chấp ngân hàng. Chiều cùng ngày, UBND xã A cùng ban ấp B xuống xác minh hiện trạng hàng rào của ông C nhưng ông C vẫn chưa tháo dỡ vì ông cho rằng chưa nhận được ý kiến của cấp trên bằng văn bản (có biên bản kèm theo).

Ngày 24/10/2014, UBND xã A có Báo cáo số: 47/BC-UBND về việc tranh chấp đất công tại xã A.

Ngày 14/11/2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P đã có ý kiến là UBND xã phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường để cùng giải quyết đo đạc xác định diện tích đất (biên bản số 01/BB-TNMT). Ngày 15/11/2014, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P mời ông Hồ Doãn C lên làm việc và ông C vẫn công nhận phần đất đang tranh chấp là đất công nhưng do bỏ hoang nên ông sử dụng.

Ngày 19/12/2014, UBND xã A nhận được Công văn số 1009/UBND-NC về việc giải quyết đơn đề nghị của ông Hồ Doãn C.

Ngày 22/01/2015, UBND xã A đã lên đo đạc xác minh phần đất ông C qua đất UBND xã có diện tích 686,81m^2, có 258,78m^2 đã xây dựng hàng rào, phần còn lại chưa có cột mốc.

Ngày 06/02/2015, UBND xã A mời ông C lên làm việc và đề nghị ông C trả lại đất cho UBND xã. Tại buổi làm việc có mời một số hộ dân ở tại khu vực đất, các hộ dân đề nghị ông C trả lại phần diện tích đất sử dụng của UBND xã, căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sử dụng.

Ngày 03/3/2015, UBND xã A gửi tờ trình xuống UBND huyện P đề nghị giải quyết tranh chấp đất công xã A.

Ngày 18/3/2015, UBND huyện P ban hành Công văn số 193/UBND-NC về việc giải quyết hộ ông C theo Công văn số 1009/UBNB NC ngày 19/12/2014.

Ngày 17/4/2015, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P làm việc với UBND xã A và đề nghị UBND xã A giải quyết.

Ngày 14/5/2015, UBND xã A mời ông C lên làm việc nhưng chưa đi đến thống nhất.

Ngày 20/11/2015, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P làm việc và yêu cầu UBND xã mời ông C lên làm việc.

Ngày 31/12/2015, UBND xã A tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai với ông Hồ Doãn C, kết quả hòa giải không thành.

Ngày 12/01/2016, UBND xã A lập Công văn số: 05/UBND về việc giải quyết vụ việc ông Hồ Doãn C.

Ngày 23/10/2017, Ủy ban nhân dân xã A làm báo cáo số 484/BC – UBND về việc giải quyết đất của hộ ông Hồ Doãn C.

Thực hiện sự chỉ đạo theo thông báo số 366/TB-UBND ngày 24/4/2018 của UBND huyện P ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch UBND huyện bà Trần Hồng Dung tại cuộc họp giải quyết đơn khiếu nại của ông Hồ Doãn C và giải quyết khiếu nại điều chỉnh nguồn gốc đất của các hộ dân xã A. Ngày 26/4/2018 UBND xã A phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P mời ông C đến UBND xã A để làm việc với tinh thần vận động tháo dỡ hàng rào trả lại hiện trạng ban đầu, đồng thời UBND xã A tính toán cân đối nguồn kinh phí hỗ trợ cho ông C trong việc xây dựng hàng rào. Qua buổi làm việc ông C không đồng ý việc tháo dỡ hàng rào trả lại đất công cho UBND xã, không chấp nhận việc xem xét hỗ trợ việc xây dựng hàng rào. Kết quả làm việc không thành.

Ngày 18/5/2017, UBND xã làm báo cáo số 241/BC-UBND về việc giải quyết đất hộ ông Hồ Doãn C.

Ngày 29/6/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P lập biên bản vi phạm hành chính số 31/BB-VPHC.

Ngày 05/7/2018, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số: 95/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 13/7/2018, UBND xã A đã thành lập đoàn kiểm kê, thống kê, lập phương án hỗ trợ phần tài sản trên đất cho hộ ông Hồ Doãn C.

Ngày 17/7/2018, Đoàn kiểm kê đến vị trí thửa đất để kiểm kê, thống kê phần tài sản trên đất. Ông C đồng ý thực hiện việc kiểm kê và xác định tài sản trên đất.

Ngày 19/7/2018, UBND xã A mời ông C lên làm việc về việc lập phương án hỗ trợ cho hộ ông Hồ Doãn C. Qua buổi làm việc, ông C không chấp nhận hỗ trợ phần tài sản trên đất do ông C đang khiếu nại quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND huyện P và đang chờ giải quyết. UBND xã đã báo cáo nội dung vụ việc đến Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện P.

Ngày 23/7/2018, UBND xã A làm Báo cáo số 107/BC-UBND về việc kết quả thực hiện áp dụng hậu quả đối với hộ ông Hồ Doãn C.

Ngày 06/12/2018, UBND xã A mời ông C làm việc để nhắc nhở chấp hành quyết định của Chủ tịch UBND huyện P. Ông C vẫn không đồng ý thực hiện mà để chờ kết quả đo đạc điều chỉnh diện tích.

Ngày 20/12/2018, UBND xã A phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P mời ông C đến UBND xã A để làm việc về việc thực hiện Quyết định 95/QĐ-KPHQ ngày 05/7/2018. Kết quả làm việc không thành, ông C không đồng ý với phương án hỗ trợ mà có ý kiến khác.

Ngày 21/12/2018, UBND xã làm Báo cáo số: 1466/BC-UBND về việc giải quyết đất hộ ông C theo Quyết định 95/QĐ-KPHQ ngày 05/7/2018.

Sau khi thực hiện việc kiểm kê lần 1 ngày 17/7/2018 ông C chỉ xác định phần kiểm kê hỗ trợ nằm trong phần hàng rào, và những cây có giá trị. Sau đó, ông C đã thay đổi ý kiến và đề nghị bổ sung phần kiểm kê hỗ trợ ngoài hàng rào và tất cả các cây, phần trong hàng rào ông C xác định thêm phần móng nên số liệu thay đổi so với lần kiểm kê lần 01 (theo biên bản làm việc ngày 24/01/2019).

Ngày 20/5/2019, UBND xã A làm việc với ông C để thỏa thuận hỗ trợ cho ông C. Tại buổi làm việc, ông C cho biết không đồng ý thỏa thuận và ông đang nộp đơn tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Do vậy, chưa thực hiện việc hỗ trợ cho ông C theo Quyết định số 95/QĐ-KPHQ ngày 0/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện P.

Ngày 12/5/2020 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P lập biên bản vi phạm hành chính số 33/BB – VPHC.

Ngày 31/12/2020 UBND huyện P ban hành Quyết định số 345/QĐ - KPHQ.

Về nguồn gốc khu đất: Gia đình ông Hồ Doãn C nhận chuyển nhượng năm 1990 (chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), do hai bên tự xác định diện tích với nhau, đây chỉ làm căn cứ xác định nguồn gốc sử dụng để xem xét công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứ không có giá trị công nhận diện tích sử dụng đất.

Về diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00930.QSDĐ/PG ngày 16/6/2003 do UBND huyện P công nhận và cấp cho hộ ông Hồ Doãn C, thửa đất số 146, tờ bản đồ số 18, diện tích là 3.178m^2, được xác định tại Công văn phúc đáp Số 1973/CV CNVPĐKĐĐ ngày 20/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P, trong đó có nội dung: Diện tích ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Hồ Doãn C năm 2003 có diện tích 3.178m^2 là bao gồm cả diện tích hành lang lộ giới (không như cách hiểu của ông Hồ Doãn C là diện tích hành lang lộ giới không thuộc diện tích của thửa đất số 146).

Quá trình giải quyết vụ việc: UBND xã A đã làm việc với ông C nhiều lần từ nhiều năm nay. Qua các lần làm việc ông C thường thay đổi ý kiến và không thực hiện cam kết, như biên bản làm việc ngày 06/9/2014 nếu xác định ranh giới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp thì ông C sẽ thực hiện việc tháo dỡ hàng rào trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 06/9/2014 nhưng lại không thực hiện và trong kiểm kê lần 01 (ngày 17/7/2018) ông C xác định sau

đó lại thay đổi yêu cầu bổ sung thêm (ngày 24/01/2019). Hồ sơ vụ việc được lưu trữ bằng văn bản theo nội dung giải trình như trên.

Theo bản đồ chính quy, các loại sổ sách: Diện tích 520m^2 thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ 18 ghi đối tượng sử dụng đất là UBND xã A.

Theo Báo cáo số 31A/BC-UB ngày 20/7/2007 của UBND xã A, thửa đất số 160 tờ bản đồ số 18 là đất thùng đào thùng đấu 9.090m^2.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Doãn C, UBND xã đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Doãn C về việc hủy Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/5/2022, ông Hồ Doãn C và bà Nguyễn Thị Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hồ Doãn C, bà Nguyễn Thị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C trình bày: Quyết định số 345/QĐ-UBND ký không đúng thẩm quyền. Theo quy định của Luật Đất đai thì thẩm quyền thuộc về UBND xã, huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ký là trái thẩm quyền. Theo biên bản làm việc thì phần đất tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P giải quyết là không đúng quy định pháp luật. Về nội dung, ông C sử dụng đất từ năm 2003 đến nay, năm 2007 UBND xã A được giao quyền sử dụng đất khi ông C đã sử dụng ổn định. Khi UBND huyện P giao đất cho UBND xã A sử dụng thì phải tiến hành thu hồi đất của ông C. Việc xác định ông C thu lợi bất chính 17 triệu đồng và buộc ông C nộp lại là không đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C trình bày: Cần xem xét biện pháp khắc phục hậu quả, trả lại hiện trạng ban đầu là như thế nào. Thửa 160 chưa có văn bản nào giao cho UBND xã A quản lý. Về diện tích của thửa 160 còn chưa thống nhất. Không có căn cứ pháp lý để cho rằng ông C lấn chiếm thửa 160.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-*Về chấp hành pháp luật:* Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

-*Về nội dung:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông C nhận chuyển nhượng từ ông V1, bà L diện tích 4.125m^2 vào năm 1990. Khi chuyển nhượng các bên tự đo đạc. Năm 2003 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.178m^2. Căn cứ vào các biên bản làm việc với ông C thì diện tích 520m^2 thuộc quyền quản lý của UBND xã A, ông C cam kết trả lại. Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 31/12/2020, buộc ông C khắc phục hậu quả là đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông C, bà Q; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh luận của các bên, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hồ Doãn C và bà Nguyễn Thị Q làm trong hạn luật định, là hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện, ông Hồ Doãn C đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 345/QĐ-KPHQ ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện P về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả liên quan đến diện tích đất 520,1m^2 (xác định theo bản trích đo ngày 03/12/2014 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P), thửa đất số 160, tờ bản đồ số 18, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Theo lời trình bày của ông C, diện tích đất này thuộc phần đất mà ông nhận chuyển nhượng của ông Lê Thanh V1 vào năm 1990 bằng "giấy chuyển nhượng đất vườn điều", đã sử dụng ổn định, đã đăng ký kê khai và đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên, vào thời điểm ông V1 chuyển nhượng đất cho ông C, ông V1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/9/2019 của ông Lê Thanh V1, bà Đặng Thị L xác định: Ông V1, bà L không sử dụng phần đất hầm sỏi, chỉ sử dụng phần đất trồng điều; Ông V1, bà L chỉ chuyển nhượng cho ông C phần đất trồng điều, không chuyển nhượng phần đất hầm sỏi đá phía sau khu đất; Ông V1, bà L không biết diện tích chuyển nhượng cho ông C bao nhiêu vì khi chuyển nhượng ông V1, bà L bán nguyên thửa nên không tiến hành đo đạc toàn bộ diện tích.

Ngày 16/6/2003, hộ ông Hồ Doãn C được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00930.QSDD/PG diện tích sử dụng là 3.178m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở, 2.778m^2 đất vườn) thuộc thửa đất số 146, tờ bản đồ số 18. Năm 2014, ông C xây dựng tường rào kiên cố.

Ngày 06/9/2014, Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P phối hợp với UBND xã A tiến hành đo đạc cắm mốc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 146, tờ bản đồ 18, diện tích 3.178m^2 do UBND huyện P cấp ngày 16/6/2003, ông C công nhận là đúng. Qua đo đạc cắm mốc thì gia đình ông C lấn sang thửa đất số 160 thuộc quản lý của UBND xã A diện tích 520m^2.

Trong các Biên bản làm việc ngày 21/8/2014 tại UBND xã A, Biên bản làm việc số 02/BB-TNMT ngày 05/12/2014 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, ông C xác định diện tích đất lấn qua thửa 160 là đất công nhưng bỏ hoang nên ông sử dụng từ năm 2003, nếu ông trả lại cho UBND xã thì xem xét công khai phá cải tạo và tài sản trên đất cho ông. Ông C thống nhất số liệu công bố của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P tại mảnh trích đo địa chính ngày 03/12/2014 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện P lập. Ông C xác định: Do bản vẽ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C cơ quan Nhà nước vẽ không rõ ràng nên ông hiểu lầm diện tích hàng lang không nằm trong diện tích thửa 146, do ông hiểu thửa đất được cấp là 4.207m^2 được vẽ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì vậy ông rào dôi ra so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo biên bản xác minh đơn khiếu nại ngày 02/11/2018 của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương xác minh đối với bà Đặng Thị L và Căn cứ Công văn số 1973/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 22/8/2018 về việc phúc đáp nội dung Công văn số 1035/CV-TNMT ngày 08/8/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P xác định: Diện tích ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 00930 QSDĐ/PG, được UBND huyện P cấp cho ông Hồ Doãn C đã bao gồm diện tích hành lang bảo vệ đường bộ 1.029m^2.

Danh sách đất công, đất công ích xã A lập ngày 06/5/2013, ngày 22/5/2013 (căn cứ Quyết định số 800/QĐ - UBND ngày 31/7/2017 của UBND huyện P về việc phê duyệt danh mục các thửa đất công trên địa bàn xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương) thể hiện thửa đất số 160, tờ bản đồ số 18 là đất công UBND xã A quản lý.

Trên cơ sở đó, ngày 12/5/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P lập Biên bản vi phạm số 33/BB-VPHC đối với ông Hồ Doãn C và bà Nguyễn Thị Q về hành vi lấn chiếm sử dụng đất công giáp nhà máy nước do UBND xã A quản lý và ngày 31/12/2020, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 345/QĐ-KPHQ là có căn cứ và đúng pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là phù hợp với tài liệu, chứng cứ về quản lý đất đai tại địa phương và đúng quy định pháp luật.

Ông C kháng cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hồ Doãn C, bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông C, bà Q là người cao tuổi nên được miễn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Doãn C và bà Nguyễn Thị Q; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Doãn C về việc hủy Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

2/. Về án phí hành chính: Ông Hồ Doãn C được miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị Q được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- ĐS (8);
- Lưu VP(3), HS(2).18b.TVN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thủy